

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 7 - 2025.
V/v Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Hồng Gái
- Ông Nguyễn Văn Đoạt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang không tham gia.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị K, sinh ngày 01/01/1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, xã M, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Danh L, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố S, xã M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Chị Thị K trình bày:

Năm 2006, chị và anh D Lờì tìm hiểu và yêu thương, được gia đình hai bên thống nhất thành vợ chồng và đăng ký kết hôn ngày 15/10/2009 tại UBND thị

trần S. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Thị Tú N, sinh ngày 28/9/2006 và Danh Chí P, sinh ngày 15/6/2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh L.
- Về quan hệ con chung: Chị đồng ý giao con chung tên Danh Chí P cho anh D Lờ tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng đối với con chung tên Thị Tú N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Danh L có ý kiến:

Anh Danh L đã được Toà án thông báo trực tiếp văn bản tố tụng (*như thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo về việc mở phiên toà sơ thẩm...*) nhưng anh L không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị K và không có mặt theo Thông báo của Toà án và vắng mặt tại phiên toà, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt: Chị Thị Kim G nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung với anh L theo nội dung đơn khởi kiện. Do bận đi làm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.
- Bị đơn anh Danh L vắng mặt tại phiên toà, không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn D Lờ được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt, không có lý do; riêng chị Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thị K và anh Danh L.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị K thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh D Lờ có địa chỉ cư trú tại xã M, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Thị K và anh Danh L đã được Ủy ban nhân dân thị trấn S cấp chứng nhận kết hôn ngày 15/10/2009 nên căn cứ vào các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Thị K và anh Danh L là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt của chị Thị K, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của chị K cho rằng, khi chung sống với anh L, chị với anh L thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau nên vợ chồng đã ly thân khoảng năm. Vì vậy, chị xác định chị không còn tình cảm với anh L nên chị kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Trong khi đó, anh L mặc dù được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng như: thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Thị K; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử, hoãn phiên toà nhưng bị đơn anh L không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim . Điều này cho thấy, anh L không quan tâm và không muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với chị K nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Kim L1 có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về quan hệ con chung: Anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Danh Chí P, sinh ngày 15/6/2008 nên ly hôn chị K đồng ý giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung đang do anh L nuôi dưỡng và chị K tự nguyện giao con chung cho anh L nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của đương sự không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Riêng đối với con chung tên Thị Tú N, sinh ngày 28/9/2006 đã thành niên nên không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K không cấp dưỡng nuôi con chung và anh D Lòi không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Chị Thị K và anh D Lòi không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thị Kim P1 chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000,

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị K được ly hôn với anh Danh L.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Danh Chí P, sinh ngày 15/6/2008 cho anh D Lòi tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Thị K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản chị K thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Danh L không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị K cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị K và anh D Lòi không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Thị Kim P1 chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*bằng chữ: ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Thị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011299 ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang).

6. Quyền kháng cáo: Chị Thị K và anh D Lờì vắng mặt tại phiên toà nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 4 – An

Giang;

- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh